

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai
- Tên dự án/dự toán mua sắm: Mua sắm Văn phòng phẩm, Biểu mẫu, Đồ vải của Bệnh viện đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai tỉnh Đồng Nai.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Biểu mẫu.
- Nguồn vốn: Nguồn dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa Thống nhất tỉnh Đồng Nai - Số 234 Quốc Lộ 1, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

2. Mục tiêu công việc: Lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực kinh nghiệm để thực hiện gói thầu Biểu mẫu của Bệnh viện đa khoa Thống nhất tỉnh Đồng Nai đảm bảo chất lượng, hiệu quả kinh tế.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|--|-----|----------|
| 1 | Bảng điểm thi đua cá nhân | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 2 tờ/bộ, bấm ghim | Tờ | 1.500 |
| 2 | Bảng ghi thống lực đồ (K.TMH) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 200 |
| 3 | Bảng kiểm an toàn phẫu thuật | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 25.000 |
| 4 | Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với trẻ dưới 1 tháng tuổi tại các cơ sở tiêm chủng thuộc Bệnh Viện | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 4.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|---|--|------------|-----------------|
| 5 | Bảng theo dõi đánh giá hôn mê ở bệnh nhân người lớn theo GLASSGOW | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 2.000 |
| 6 | Bệnh án (nội trú) RĂNG HÀM MẮT | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |
| 7 | Bệnh án bông | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |
| 8 | Bệnh án da liễu | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |
| 9 | Bệnh án huyết học truyền máu | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |
| 10 | Bệnh án mắt (Bán phần trước) | - Khổ: A4 8 trang in đen 2 mặt bấm gim giữa - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 | Bộ | 300 |
| 11 | Bệnh án mắt (Glôcôm) | - Khổ: A4 8 trang in đen 2 mặt bấm gim giữa - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 | Bộ | 300 |
| 12 | Bệnh án mắt (Thẻ thủy tinh) | - Khổ: A4 8 trang in đen 2 mặt bấm gim giữa - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 | Bộ | 1.000 |
| 13 | Bệnh án ngoại khoa | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 8.000 |
| 14 | Bệnh án ngoại trú | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 1.500 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--|---|-----|----------|
| 15 | Bệnh án ngoại trú chuyên khoa RĂNG HÀM MẶT | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 1.000 |
| 16 | Bệnh án ngoại trú Mắt | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 3.000 |
| 17 | Bệnh án ngoại trú PHCN | - Khổ: A4 6 trang in đen 2 mặt bấm gìm giữ - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 | bộ | 1.000 |
| 18 | Bệnh án ngoại trú Y Học Cổ Truyền | - Khổ: A3 - Bìa giấy Couche định lượng 150gsm in 1 màu 2 mặt, 8 gáy giấy trắng 86, không in bảng kiểm, đóng 3 ghim. Có đóng kèm 1 tờ A4, gáy giấy trắng 86, in 2 mặt 1 màu. | Bộ | 1.000 |
| 19 | Bệnh án nội khoa | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 4.000 |
| 20 | Bệnh án nội trú PHCN | - Khổ: A4 6 trang in đen 2 mặt bấm gìm giữ - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 | bộ | 500 |
| 21 | Bệnh án nội trú Y Học Cổ Truyền | - Khổ: A3 - Bìa giấy Couche định lượng 250gsm in 1 màu 2 mặt, có in bảng kiểm, 24 gáy có in nội dung giấy trắng 86 1 màu 1 mặt, đóng 3 ghim. Có đóng kèm ruột bệnh án gồm 2 tờ A3, Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt. | Bộ | 500 |
| 22 | Bệnh án phụ khoa | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|---|---|------------|-----------------|
| 23 | Bệnh án sản khoa | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |
| 24 | Bệnh án sơ sinh | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |
| 25 | Bệnh án Tai mũi họng | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 400 |
| 26 | Bệnh án truyền nhiễm | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |
| 27 | Bệnh án ung bướu | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 500 |
| 28 | Bệnh nhân được tán sỏi ngoài cơ thể cần thiết | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 29 | Bìa bệnh án (24 gáy, có in bảng kiểm) | - Khổ: A3 - Bìa giấy Couche định lượng 250gsm in 1 màu 2 mặt, có in bảng kiểm, 24 gáy có in nội dung giấy trắng 86 in 1 màu 1 mặt, đóng ghim giữa 4 ghim | Tờ | 100.000 |
| 30 | Bìa bệnh án (4 gáy, không in bảng kiểm) | - Khổ: A3 - Bìa Giấy Couche định lượng 150gsm in 1 màu 2 mặt, 4 gáy giấy trắng 86, không in bảng kiểm, đóng 2 ghim | Tờ | 6.000 |
| 31 | Biên bản bàn giao trẻ cho sản phụ | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 8.000 |
| 32 | Biên bản kiểm đếm tử vong | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, | Tờ | 300 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--|---|-----|----------|
| | | độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | | |
| 33 | Biên bản kiểm tra | - Khô: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 6.000 |
| 34 | Biểu đồ chuyên da | - Khô: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 4.000 |
| 35 | Điện não đồ điện toán | - Khô: A4 - Giấy Ford 120 in 2 màu 2 mặt, quy cách: 2 tờ/ Bộ | Tờ | 5.000 |
| 36 | Điện tâm đồ điện toán | - Khô: A4, - Giấy Ford 120, in 3 màu 2 mặt | Tờ | 40.000 |
| 37 | Đơn xin nghỉ phép | - Khô: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 38 | Giấy (Sổ) khám sức khỏe định kỳ | - Khô: A3 - Giấy Ford định lượng 100gsm trắng, in 1 màu 2 mặt | Tờ | 12.000 |
| 39 | Giấy (Sổ) khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp | - Khô: A4 - Giấy trắng Ford định lượng 120gsm in 1 màu 2 mặt | Tờ | 7.000 |
| 40 | Giấy cam đoan | - Khô: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 5.000 |
| 41 | Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật nội soi | - Khô: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 6.000 |
| 42 | Giấy cam đoan tiêm thuốc cản quang để chụp CT-Sanner / X.Quang | - Khô: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 43 | Giấy cam kết chấp thuận điều trị bằng hóa trị - xạ trị | - Khô: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 500 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|--|---|------------|-----------------|
| 44 | Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 4.000 |
| 45 | Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.500 |
| 46 | Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của Bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 4.000 |
| 47 | Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 4.000 |
| 48 | Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 8.000 |
| 49 | Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú (K.Sản) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 3.000 |
| 50 | Giấy đề nghị | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 4.000 |
| 51 | Giấy đề nghị miễn giảm | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.000 |
| 52 | Giấy đề nghị miễn phí | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 53 | Giấy đề nghị tạm ứng | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--|---|-----|----------|
| 54 | Giấy đề nghị thanh toán tiền | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 3.000 |
| 55 | Giấy khám chữa bệnh theo yêu cầu | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 56 | Giấy khám sức khỏe (TCKT) | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 100gsm trắng, in 1 màu 2 mặt | Tờ | 7.000 |
| 57 | Giấy khám sức khỏe của người lái xe | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 100gsm trắng, in 1 màu 2 mặt | Tờ | 3.000 |
| 58 | Hội chẩn duyệt mổ | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 15.000 |
| 59 | Hội chẩn mổ cấp cứu | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 10.000 |
| 60 | Hướng dẫn bệnh nhân nhập viện tại PK mắt | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 61 | Hướng dẫn cho bệnh nhân sau mổ đục thủy tinh thể, mổ màng thịt xuất viện | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 5.000 |
| 62 | Hướng dẫn theo dõi sau bó bột | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 63 | Kết quả siêu âm | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 5.000 |
| 64 | Lời dặn bệnh nhân Chấn thương sọ não và gia đình | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--|--|-----|----------|
| 65 | Lời dặn bệnh nhân cột sống và gia đình | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 66 | Lời dặn bệnh nhân và gia đình (mẫu 2 gãy xương) | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 3.000 |
| 67 | Phiếu bàn giao người bệnh chuyên khoa (dành cho Bác sỹ) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 35.000 |
| 68 | Phiếu bàn giao người bệnh chuyên khoa (dành cho Điều dưỡng) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 35.000 |
| 69 | Phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 1.000 |
| 70 | Phiếu chuyển | - Khổ: 10*15cm - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 71 | Phiếu công khai dịch vụ cận lâm sàng khám, chữa bệnh nội trú | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 25.000 |
| 72 | Phiếu công khai thuốc, vật tư tiêu hao (K. Thận nhân tạo) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 10.000 |
| 73 | Phiếu công khai vật tư tiêu hao (khoa HSTC-CĐ) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 2.000 |
| 74 | Phiếu cung cấp thông tin về người bệnh (Tại khoa hồi sức tích cực) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|--|---|------------|-----------------|
| 75 | Phiếu đăng ký dịch vụ hồi phục sản chậu sau sanh | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 3.000 |
| 76 | Phiếu đăng ký khám bệnh (KKBYC) | - Khổ: 7.5*10.5cm - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 40.000 |
| 77 | Phiếu đánh giá dinh dưỡng bệnh nhân nhập viện | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 50.000 |
| 78 | Phiếu đánh giá dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 4.000 |
| 79 | Phiếu đề nghị siêu âm mắt | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 70gsm trắng in 1 màu 2 mặt | Tờ | 1.000 |
| 80 | Phiếu đề nghị xin xe | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 2.000 |
| 81 | Phiếu điện tim | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 60.000 |
| 82 | Phiếu điều trị (dành cho bệnh án YHCT) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 3.000 |
| 83 | Phiếu điều trị (PHCN) | - Khổ: A4 - Giấy Couche định lượng 150gsm in 1 màu 2 mặt | Tờ | 5.000 |
| 84 | Phiếu điều trị sơ sinh (Sau sinh) | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 5.000 |
| 85 | Phiếu đo thính lực sơ bộ (P.CTXH) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng for 100gsm độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 3.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--|---|-----|----------|
| 86 | Phiếu gây mê hồi sức | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 4.000 |
| 87 | Phiếu giải thích, tư vấn cho người bệnh và gia đình người bệnh | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.500 |
| 88 | Phiếu giao nhận tài sản phòng DV khoa sản (khu A) | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.000 |
| 89 | Phiếu giao nhận trẻ sơ sinh | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 10.000 |
| 90 | Phiếu khám thai | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 5.000 |
| 91 | Phiếu khám và chỉ định PHCN | - Khổ: A4 - Giấy Couche định lượng 150gsm in 1 màu 2 mặt | Tờ | 5.000 |
| 92 | Phiếu khám vào viện (chuyên khoa mắt) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 3.000 |
| 93 | Phiếu lọc máu HDF-ONLINE | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 10.000 |
| 94 | Phiếu lọc máu thường quy (HD) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 40.000 |
| 95 | Phiếu lượng giá hoạt động chức năng sự tham gia | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 5.000 |
| 96 | Phiếu nhận định - phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.500 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|--|---|------------|-----------------|
| 97 | Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 10.000 |
| 98 | Phiếu tai nạn thương tích | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 20.000 |
| 99 | Phiếu thanh toán viện phí | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 100.000 |
| 100 | Phiếu theo dõi điều trị | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 80.000 |
| 101 | Phiếu theo dõi tập VLTL - PHCN | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 5.000 |
| 102 | Phiếu theo dõi thăm phân phúc mạc | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 1.000 |
| 103 | Phiếu theo dõi thủ thuật (khoa YHCT) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 4.000 |
| 104 | Phiếu theo dõi truyền dịch | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 10.000 |
| 105 | Phiếu theo dõi và chăm sóc (Cấp 2-3 K.Sản) | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 6.000 |
| 106 | Phiếu theo dõi và chăm sóc (Cấp 2-3) | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 50.000 |
| 107 | Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 1 (HSTC-CĐ) | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 13.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|---|-----|----------|
| 108 | Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 1 (PT-GMHS) | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 25.000 |
| 109 | Phiếu theo dõi và chăm sóc sơ sinh | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 6.000 |
| 110 | Phiếu theo dõi, chăm sóc thực hiện thủ thuật can thiệp tim mạch | - Khổ: A3 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 3.000 |
| 111 | Phiếu thực hiện kỹ thuật Phục hồi chức năng | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 1.000 |
| 112 | Phiếu tóm tắt chuyển viện sơ sinh | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 500 |
| 113 | Phiếu trả kết quả xét nghiệm hóa sinh (Đường huyết mao mạch) | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 65.000 |
| 114 | Phiếu truyền máu | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | Tờ | 15.000 |
| 115 | Phiếu tự nguyện đình sản | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bộ 3 tờ, 3 màu chữ, bấm kim ở góc. | Bộ | 100 |
| 116 | Phiếu tư vấn chương trình giảm đau trong chuyển dạ | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.000 |
| 117 | Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 6.000 |
| 118 | Phiếu xét nghiệm giải phẫu bệnh sinh | - Khổ: A4 | Tờ | 5.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|--|-----|----------|
| | thiết | - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt | | |
| 119 | Phiếu xét nghiệm hóa sinh khí máu động mạch | - Khổ: A5 - Giấy Ford định lượng 70gsm xanh dương in 1 màu 2 mặt | Tờ | 3.000 |
| 120 | Phiếu xét nghiệm sàng lọc trước sinh | - Khổ: A5 - Giấy Ford xanh lá định lượng 70gsm xanh lá in 1 màu 1 mặt | Tờ | 600 |
| 121 | Phiếu xét nghiệm tế bào tử cung | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 1.000 |
| 122 | Trích biên bản hội chẩn | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 6.000 |
| 123 | Trích biên bản kiểm thảo tử vong | - Khổ: A4 - Giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt | Tờ | 800 |
| 124 | Phong bì kiếng | - Khổ: 12*22 cm - Giấy Ford định lượng 80 gsm không in, có ô kiếng như mẫu, nắp keo 5mm | Cái | 10.000 |
| 125 | Phong bì lớn | - Khổ: 25 x 35 (cm) - Giấy Ford định lượng 100gsm trắng in 3 màu 1 mặt. Gấp dán thành phẩm, nắp keo 5mm | Cái | 1.000 |
| 126 | Phong bì nhỏ | - Khổ: 12 x 22 (cm) - Giấy Ford định lượng 100gsm trắng in 3 màu 1 mặt. Gấp dán thành phẩm, nắp keo 5mm | Cái | 2.000 |
| 127 | Phong bì trung | - Khổ: 17 x 23 (cm) - Giấy Ford định lượng 100gsm trắng in 3 màu 1 mặt. Gấp dán thành phẩm, nắp keo 5mm | Cái | 1.000 |
| 128 | Hồ sơ khám bệnh | - 22*31 tay gấp 10cm C300 in 4 màu 2 mặt, cán màng bóng 1 | Cái | 25.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------|---|------|----------|
| | theo yêu cầu | mặt.bé, dán. | | |
| 129 | Hồ sơ khám bệnh | - 22*31 tay gấp 10cm C300 in 4 màu 2 mặt, cán màng bóng 1 mặt.bé, dán. | Cuốn | 65.000 |
| 130 | Hồ sơ theo dõi thai kỳ | - Khô: 14,5 x 20,5 (cm) - Bìa Couche 150gsm xanh, in 4 màu 2 mặt. - Ruột 16 tờ, giấy Ford định lượng 70gsm trắng in 1 màu 2 mặt, bấm ghim theo mẫu, 16 tờ/cuốn | Cuốn | 10.000 |
| 131 | Sổ bàn giao dụng cụ thường trực | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 70 |
| 132 | Sổ bàn giao hồ sơ bệnh án | - Khô: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 35 |
| 133 | Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện | - Khô: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 20 |
| 134 | Sổ bàn giao người bệnh vào khoa | - Khô: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In | Cuốn | 10 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------------|---|------|----------|
| | | tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 135 | Sổ bàn giao thuốc thường trực | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 55 |
| 136 | Sổ báo cáo công tác tháng | - Khổ: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 137 | Sổ báo cáo rủi ro do vật sắc nhọn | - Khổ: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 138 | Sổ biên bản hội chẩn | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 200 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------------|---|------|----------|
| 139 | Sổ biên bản kiểm điểm tử vong | <ul style="list-style-type: none"> - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 140 | Sổ cấp giấy chứng sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, đóng số, bấm ghim dán giấy, đục răng cưa theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 5 |
| 141 | Sổ chẩn đoán hình ảnh | <ul style="list-style-type: none"> - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 80 |
| 142 | Sổ đào tạo - bồi dưỡng chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> - Khổ: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 143 | Sổ đê | <ul style="list-style-type: none"> - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 | Cuốn | 15 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------|---|------|----------|
| | | mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 144 | Sổ đơn thuốc | - Khổ: A5 - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy, đục răng cưa theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 300 |
| 145 | Sổ dự trữ và cung cấp máu | - Khổ: A4 - Bìa Thái định lượng 160 in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy theo mẫu, 200 tờ/cuốn | Cuốn | 70 |
| 146 | Sổ duyệt kế hoạch phẫu thuật | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 60 |
| 147 | Sổ giao nhận đồ vải | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 40 |
| 148 | Sổ giao nhận đồ vải khoa GMHS | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng | Cuốn | 5 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--|---|------|----------|
| | | 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 149 | Sổ giao nhận y cụ - gòn gạc thanh trùng | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 200 |
| 150 | Sổ giao và nhận bệnh phẩm | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 15 |
| 151 | Sổ giấy giới thiệu | - Khô: 30 x 18 (cm) - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy, đục răng cưa theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 152 | Sổ góp ý của người bệnh | - Khô: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/ cuốn | Cuốn | 10 |
| 153 | Sổ hoàn trả tài sản hành chánh vật rẻ mau hỏng | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt. | Cuốn | 20 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------|---|------|----------|
| | | - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 154 | Sổ hợp giao ban | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 200 |
| 155 | Sổ kết số bệnh nhân | - Khổ: 27x29,5 (cm) - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, bấm ghim dán gáy theo mẫu, 200 tờ/cuốn | Cuốn | 100 |
| 156 | Sổ khám bệnh (lớn ĐK) | - Khổ: A3 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 40 |
| 157 | Sổ khám thai khoa sản (LỚN) | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 15 |
| 158 | Sổ kiểm tra | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In | Cuốn | 10 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------------|---|------|----------|
| | | tên số trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 159 | Sổ lãnh vật liệu | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 20 |
| 160 | Sổ lệnh điều xe | - Khô: 25 x 17,5 (cm) - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy, đục răng cửa giữa 2 bát, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 150 |
| 161 | Sổ mời hội chẩn | - Khô: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên số trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 20 |
| 162 | Sổ nhập hóa đơn hàng ngày | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 163 | Sổ phẫu thuật | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In | Cuốn | 30 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|--|------|----------|
| | | tên số trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 164 | Sổ phiếu cấp nhiên liệu | - Khô: A5 - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt, 50 bộ cacbon (T-H) in 1 mặt 1 màu, bấm ghim, đục răng cưa | Cuốn | 15 |
| 165 | Sổ phiếu chuyển buồng khám | - Khô: 7,5 x 20,5 (cm) - Bìa thái định lượng 160gsm in 1 màu 1 mặt. - Ruột Ford định lượng 70gsm xanh dương in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy, đục lỗ giữa 2 bát, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 1.000 |
| 166 | Sổ phiếu hẹn (Khoa GPB) | - Khô: 13 x 10 (cm) - Bìa thái 160gsm in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy, đục lỗ giữa 2 bát, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 50 |
| 167 | Sổ phiếu lĩnh máy móc vật dụng y tế tiêu hao (P.TBYT) | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250 in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 30 |
| 168 | Sổ phiếu lĩnh thuốc | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250 in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy theo | Cuốn | 30 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|--|------|----------|
| | | mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 169 | Sổ phiếu lĩnh vật dụng y tế tiêu hao | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250 in 1 màu 1 mặt, - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 30 |
| 170 | Sổ phiếu lĩnh vật dụng y tế tiêu hao (K.SNK) | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt, - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 100 |
| 171 | Sổ phiếu trả lại máy móc dụng cụ vật tư y tế tiêu hao | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250 in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy, đục răng cưa theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 20 |
| 172 | Sổ phiếu xuất kho | - Khô: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250 in 1 màu 1 mặt, - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 50 |
| 173 | Sổ phòng khám ưu tiên | - Khô: 9,5 x 5 (cm) - Bìa giấy thái định lượng 160gsm in 1 màu 1 mặt. - Ruột Ford định lượng 70gsm hòng in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy, đục răng cưa theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 1.000 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|-----------------------------------|---|------------|-----------------|
| 174 | Sổ quản lý sửa chữa thiết bị y tế | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 20 |
| 175 | Sổ sai sót chuyên môn | - Khổ: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/ cuốn | Cuốn | 10 |
| 176 | Sổ sinh hoạt hội đồng người bệnh | - Khổ: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/ cuốn | Cuốn | 10 |
| 177 | Sổ sinh thiết | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tệp dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 178 | Sổ tai nạn giao thông | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 | Cuốn | 2 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|---|------|----------|
| | | mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 179 | Sổ tài sản y dụng cụ | - Khổ: A5 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 180 | Sổ tay lấy mẫu | - Khổ: A4 - Bìa bóng kiếng in nhiều màu, ruột Ford 70, 52 trang in nhiều màu | Cuốn | 10 |
| 181 | Sổ theo dõi BN tử vong - nặng - chuyển viện - ngoại trú | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 5 |
| 182 | Sổ theo dõi gây tê ngoài màng cứng giảm đau sau mổ | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 15 |
| 183 | Sổ theo dõi giảm đau phối hợp đường tĩnh mạch | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 15 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--|---|------|----------|
| 184 | Sổ theo dõi giao nhận thuốc - vật tư y tế - hóa chất | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 15 |
| 185 | Sổ theo dõi máy / thiết bị y tế | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 20 |
| 186 | Sổ thủ thuật | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 70 |
| 187 | Sổ thường trực | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên giấy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán giấy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 160 |
| 188 | Sổ tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 | Cuốn | 5 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--|---|------|----------|
| | | mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |
| 189 | Sổ tổng hợp thuốc hàng ngày | - Khổ: A3 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 20 |
| 190 | Sổ trả lại thuốc/hóa chất/vật dụng y tế tiêu hao | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 191 | Sổ vào viện ra viện chuyển viện | - Khổ: A3 - Bìa giấy Duplex trắng, in 1 màu 1 mặt. In tên sổ trên gáy. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, đóng tép dán gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 10 |
| 192 | Sổ xin xe ô tô cứu thương | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 1 mặt, bấm ghim dán gáy, đục răng cưa theo mẫu, 100 tờ/cuốn | Cuốn | 50 |
| 193 | Sổ xuất nhập thuốc gây nghiện | - Khổ: A4 - Bìa giấy Duplex trắng định lượng 250, in 1 màu 1 mặt. - Ruột giấy Ford định lượng 60gsm, độ trắng 86 in 1 màu 2 mặt, 1 tờ bìa giả, đóng tép dán | Cuốn | 5 |

| STT | Danh mục | Thông số kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------|---------------------------|-----|----------|
| | | gáy theo mẫu, 100 tờ/cuốn | | |

3.2. Yêu cầu khác:

- Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu là hàng hóa mới, chưa qua sử dụng, không có khiếm khuyết, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và cam kết chất lượng hàng hóa không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

- Nhà thầu cam kết đóng gói hàng hóa theo yêu cầu của Chủ đầu tư: với hàng hóa loại tờ đóng gói 500 tờ/xấp(chia 100 tờ lót 1 tờ giấy để nhận biết 100 tờ), với hàng hóa loại cuốn tối đa 10 cuốn/gói.

- Nhà thầu cam kết vận chuyển, bốc vác hàng hóa đến tận kho của bệnh viện hoặc theo yêu cầu của bệnh viện (không giới hạn số lần đặt hàng, số lượng hàng hóa). Hàng hóa phải đảm bảo còn nguyên vẹn không ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa khi đến kho bệnh viện.

- Thời gian, tiến độ giao hàng cụ thể như sau: Nhà thầu cam kết giao hàng muộn nhất trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư (thực hiện giao hàng nhiều lần trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng).

- Nhà thầu cam kết thay thế hàng hóa bị lỗi, hư hỏng, sai sót trong vòng **48h** kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư,

- Số lượng hàng hóa có thể giảm trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và được nghiệm thu, thanh toán theo số lượng thực tế.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm: Tuân thủ theo quy định hiện hành.